

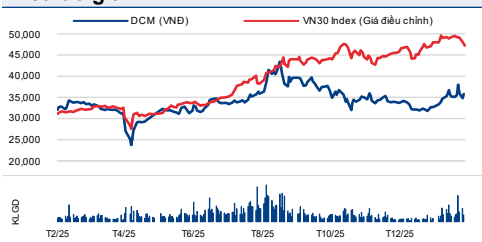
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ47,800
Tiềm năng tăng/giảm: 32.8%

Giá cổ phiếu (đồng) (28/1/2026)	36,000
Mã Bloomberg	DCM VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	23,801-43,350
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	35,533
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	19,058
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	731
Slg CP lưu hành (tr.đv)	529
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	259
Slg CP NN được mua (tr.đv)	233
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	4.97%
Tỷ lệ freefloat	24.4%
Cổ đông lớn	PVN (75.6%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
DT thuần (tỷ đồng)	13,456	16,788	15,580
EBITDA đc (tỷ đồng)	1,287	2,323	2,368
LNTT (tỷ đồng)	1,324	2,275	2,285
LNT ĐC (tỷ đồng)	1,222	2,006	2,033
FCF (tỷ đồng)	(714)	1,634	1,930
EPS ĐC (đồng)	2,308	3,789	3,841
DPS (đồng)	2,000	1,500	1,000
BVPS (đồng)	19,162	21,072	23,529
T.trưởng EBITDA (%)	(28.0)	80.5	1.91
T.trưởng EPS ĐC (%)	10.2	64.1	1.36
Tăng trưởng DPS (%)	0	(25.0)	(33.3)
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	9.57	13.8	15.2
Tỷ suất LNTT (%)	9.84	13.6	14.7
Tỷ suất LNT ĐC (%)	9.08	11.9	13.1
Tỷ lệ LN trả CT (%)	86.6	39.6	26.0
Nợ thuần/VCSH (%)	(3.17)	(3.10)	(9.91)
ROAE (%)	12.2	18.8	17.2
ROACE (%)	9.36	16.6	15.3
EV/doanh thu (lần)	0.85	0.65	0.59
EV/EBITDA ĐC (lần)	8.93	4.68	3.89
P/E ĐC (lần)	15.6	9.50	9.37
P/B (lần)	1.88	1.71	1.53
Lợi suất cổ tức (%)	5.56	4.17	2.78

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

DCM là công ty sản xuất phân đạm urea hạt đục duy nhất tại Việt Nam. DCM hiện đang chiếm 30% thị phần trên thị trường urea nội địa.

Chuyên viên phân tích

Trương Hồng Kim

Trưởng phòng
kim.thong@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4850

Trần Hương Mỹ

Giám Đốc, Ngành Hàng Tiêu Dùng
my.th@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 362

Q4/2025: Tăng trưởng mạnh nhưng thấp hơn dự báo

- Lợi nhuận thuần Q4/2025 tăng 38,2% so với cùng kỳ đạt 390 tỷ đồng, trên doanh thu thuần 4.528 tỷ đồng, tăng 7,5% so với cùng kỳ, nhờ chi phí khí đầu vào giảm và giá bán tăng. Tuy nhiên, lợi nhuận thuần thấp hơn 19% so với dự báo của HSC.
- Lợi nhuận thuần năm 2025 đạt 1.915 tỷ đồng (tăng trưởng 45,5%) trên doanh thu thuần 16.961 tỷ đồng (tăng trưởng 26%). Kết quả này bằng lần lượt 101% và 95,5% dự báo doanh thu và lợi nhuận thuần cho cả năm của chúng tôi.
- Sau khi giá cổ phiếu tăng 13% trong 1 tháng qua, DCM đang giao dịch với P/E dự phóng 12 tháng tới ở mức 9,0 lần, thấp hơn 0,5 độ lệch chuẩn so với bình quân từ tháng 1/2022 ở mức 10,5 lần.

Sự kiện: Công bố KQKD Q4/2025

DCM đã công bố KQKD Q4/2025 tích cực với lợi nhuận thuần tăng mạnh 38,2% so với cùng kỳ đạt 390 tỷ đồng, trong khi doanh thu thuần tăng 7,5% so với cùng kỳ đạt 4.582 tỷ đồng. Doanh thu nhìn chung sát với dự báo của chúng tôi; tuy nhiên, lợi nhuận thuần thấp hơn 19% so với ước tính (481 tỷ đồng), chủ yếu do chi phí quản lý cao hơn dự kiến.

Tính chung cả năm 2025, lợi nhuận thuần tăng trưởng 45,4% đạt 1.915 tỷ đồng, trong khi doanh thu thuần tăng trưởng 26% đạt 16.961 tỷ đồng, nhờ chi phí khí đầu vào giảm và giá bán tăng. Doanh thu thuần đạt 101% dự báo của chúng tôi và lợi nhuận thuần đạt 96%, nhìn chung sát với kỳ vọng.

Doanh thu ure và NPK duy trì tích cực

Trong Q4/2025:

- Ure: Doanh thu ure tăng 10,4% so với cùng kỳ đạt 2.403 tỷ đồng, chủ yếu nhờ giá bán bình quân tăng trong khi sản lượng tiêu thụ đi ngang.
- NPK: Doanh thu NPK tăng mạnh 27,2% so với cùng kỳ đạt 1.125 tỷ đồng, nhờ sản lượng tiêu thụ tăng 38%, trong khi giá bán bình quân tăng 3% so với cùng kỳ.
- Phân bón nhập khẩu: Doanh thu phân bón nhập khẩu giảm 12,4% so với cùng kỳ xuống 910 tỷ đồng do sản lượng tiêu thụ giảm 11,7%.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 30/1.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q4/2025 và cả năm 2025, DCM

Tỷ đồng	Q4/24	Q4/25	So với cùng kỳ	2024	2025	Tăng trưởng
Doanh thu thuần	4,214	4,528	7.5%	13,456	16,961	26.0%
Giá vốn hàng bán	(3,534)	(3,276)	-7.3%	(11,082)	(12,926)	16.6%
Lợi nhuận gộp	680	1,252	84.2%	2,374	4,035	70.0%
Tỷ suất lợi nhuận gộp (%)	16.1%	27.7%		17.6%	23.8%	
Lợi nhuận tài chính	94	35	-62.9%	341	305	-10.4%
Chi phí QL&BH	(461)	(855)	85.3%	(1,481)	(2,189)	47.8%
Chi phí QL&BH / doanh thu (%)	11.0%	18.9%		11.0%	12.9%	
Lợi nhuận HKKD cốt lõi	312	432	38.3%	1,233	2,151	74.4%
Lợi nhuận khác	8	4	-43.6%	199	6	-97.2%
LNTT	320	436	36.4%	1,432	2,157	50.6%
LNST	286	389	36.4%	1,326	1,917	44.6%
Lợi nhuận thuần	282	390	38.2%	1,317	1,915	45.4%

Nguồn: DCM

Tính chung cả năm 2025:

- Urê: Doanh thu urê tăng trưởng 12,3% đạt 8.648 tỷ đồng nhờ sản lượng tiêu thụ tăng trưởng 2% và giá bán bình quân tăng 10,3%.
- NPK: Doanh thu NPK tăng trưởng mạnh 42,8% đạt 3.878 tỷ đồng nhờ sản lượng tiêu thụ tăng trưởng 38,1% (đã có hợp nhất từ KVF) trong khi giá bán bình quân tăng 3,4%.
- Phân bón nhập khẩu: Doanh thu phân bón nhập khẩu tăng trưởng 55,7% nhờ sản lượng tiêu thụ tăng trưởng 32% và giá bán bình quân tăng 17,9%.

Lợi nhuận gộp tăng mạnh nhờ giá năng lượng giảm và khấu trừ thuế GTGT đầu vào

Lợi nhuận gộp tăng mạnh 84,2% so với cùng kỳ đạt 1.252 tỷ đồng, vượt xa mức tăng 7,5% của doanh thu. Theo đó, tỷ suất lợi nhuận gộp chung cải thiện 11,5 điểm phần trăm lên 27,7% (so với mức 16,1% trong Q4/2024). Mức cải thiện này chủ yếu đến từ chi phí khí đầu vào giảm, với mức giảm 8,7% so với cùng kỳ xuống mức khoảng 7,86 USD/mmbtu trong Q4/2025 (so với 8,61 USD/mmbtu trong Q4/2024). Diễn biến này được hỗ trợ nhờ giá dầu Brent giảm 14,8% so với cùng kỳ (xuống 63 USD/thùng) và việc triển khai chính sách khấu trừ thuế GTGT đầu vào 10% kể từ tháng 7/2025.

Theo từng mảng kinh doanh:

- Urê: Tỷ suất lợi nhuận gộp mảng urê tăng mạnh lên mức 48% (so với 29,6% trong Q4/2024) nhờ chi phí khí đầu vào giảm và giá bán bình quân tăng 10,3%.
- NPK: Tỷ suất lợi nhuận gộp mảng NPK cải thiện lên mức 8,5% (so với 5,7% trong Q4/2024) nhờ sản lượng tiêu thụ tăng mạnh.
- Phân bón nhập khẩu: Tỷ suất lợi nhuận gộp mảng phân bón nhập khẩu suy yếu xuống mức 3,4% (so với 4,8% trong Q4/2024).

Tính chung cả năm 2025, tỷ suất lợi nhuận gộp chung cải thiện lên mức 23,8% (so với 17,6% trong năm 2024), chủ yếu nhờ tỷ suất lợi nhuận cải thiện tại các mảng sau:

- Urê: 39,9% so với 26,8%
- NPK: 15,4% so với 12,7%
- Tỷ suất lợi nhuận gộp mảng phân bón nhập khẩu giảm xuống mức 4,8% (so với 7,2% trong năm trước).

Doanh thu HĐ tài chính giảm và chi phí quản lý & bán hàng tăng

Lợi nhuận tài chính trong Q4/2025 giảm 63% so với cùng kỳ xuống 35 tỷ đồng, chủ yếu do thu nhập lãi thuần giảm 33% và ghi nhận lỗ tỷ giá thuần 1 tỷ đồng (so với lãi 37 tỷ đồng trong Q4/2024).

Lợi nhuận tài chính trong Q4/2025 đạt 35 tỷ đồng, giảm 63% so với cùng kỳ, do thu nhập lãi thuần giảm 33% và phát sinh lỗ tỷ giá thuần, so với khoản lãi 37 tỷ đồng trong Q4/2024. Tính chung cả năm 2025, lợi nhuận tài chính đạt 305 tỷ đồng, giảm 10,4%.

Chi phí quản lý & bán hàng trong Q4/2025 tăng mạnh lên 855 tỷ đồng (tăng 85,3% so với cùng kỳ). Trong đó, chi phí bán hàng ở mức 382 tỷ đồng (tăng 3,1% so với cùng kỳ) trong khi chi phí quản lý ở mức 473 tỷ đồng (tăng gấp đôi so với cùng kỳ), chủ yếu do chi phí nhân sự tăng 87,9% so với cùng kỳ lên 121 tỷ đồng và khoản trích lập Quỹ phát triển khoa học & công nghệ 101 tỷ đồng (so với hoàn nhập 30 tỷ đồng trong Q4/2024). Khoản trích lập Quỹ phát triển khoa học & công nghệ nằm ngoài dự báo của chúng tôi. Tỷ lệ chi phí quản lý & bán hàng/doanh thu tăng lên mức 18,9% (so với 11,0% trong Q4/2024).

Tính chung cả năm 2025, chi phí quản lý tăng gấp đôi lên 982 tỷ đồng trong khi chi phí bán hàng tăng 16,2% lên 1.207 tỷ đồng. Theo đó, tỷ lệ chi phí quản lý & bán hàng/doanh thu tăng lên mức 12,9% (so với 11% trong năm 2024).

Duy trì khuyến nghị Mua vào và giá mục tiêu

Sau khi giá cổ phiếu tăng 13% trong 1 tháng qua, DCM đang giao dịch với P/E dự phóng 12 tháng tới ở mức 9,0 lần, thấp hơn 0,5 độ lệch chuẩn so với bình quân từ tháng 1/2022 ở mức 10,5 lần. HSC duy trì khuyến nghị Mua vào với giá mục tiêu 47.800đ.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Doanh thu	12,571	13,456	16,788	15,580	15,922
Lợi nhuận gộp	2,032	2,513	3,691	3,602	3,729
Chi phí BH&QL	(1,349)	(1,495)	(1,778)	(1,651)	(1,689)
Thu nhập khác	22.5	1.12	1.76	0	0
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	705	1,019	1,915	1,951	2,040
Lãi vay thuần	550	305	360	334	342
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	-	-	-	-	-
LNTT	1,255	1,324	2,275	2,285	2,382
Chi phí thuế TNDN	(145)	(94.1)	(257)	(240)	(250)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(1.25)	(8.35)	(12.1)	(12.3)	(12.8)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	1,109	1,222	2,006	2,033	2,119
Lợi nhuận thuần ĐC	1,109	1,222	2,006	2,033	2,119
EBITDA ĐC	1,788	1,287	2,323	2,368	2,467
EPS (đồng)	2,095	2,308	3,789	3,841	4,003
EPS ĐC (đồng)	2,095	2,308	3,789	3,841	4,003
DPS (đồng)	2,000	2,000	1,500	1,000	1,000
Sig CP bình quân (triệu đv)	529	529	529	529	529
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	529	529	529	529	529
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	529	529	529	529	529

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tiền & tương đương tiền	2,284	1,903	1,420	2,308	2,717
Đầu tư ngắn hạn	8,242	7,039	7,743	8,517	9,369
Phải thu khách hàng	366	529	477	535	580
Hàng tồn kho	2,161	2,950	3,047	2,824	2,998
Các tài sản ngắn hạn khác	452	500	478	499	503
Tổng tài sản ngắn hạn	13,504	12,921	13,165	14,682	16,167
TSCĐ hữu hình	1,338	2,172	2,018	1,860	1,698
TSCĐ vô hình	350	364	362	360	356
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	0	0	0	0	0
Đầu tư vào Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	45.1	272	213	144	182
Tổng tài sản dài hạn	1,733	2,808	2,593	2,364	2,236
Tổng cộng tài sản	15,238	15,729	15,757	17,047	18,402
Nợ ngắn hạn	846	1,229	929	929	929
Phải trả người bán	1,989	1,612	1,496	1,566	1,482
Nợ ngắn hạn khác	1,585	1,556	1,028	929	944
Tổng nợ ngắn hạn	4,517	4,681	3,680	3,666	3,631
Nợ dài hạn	2.96	120	0	0	0
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	0	0	0	0	0
Nợ dài hạn khác	754	751	877	867	867
Tổng nợ dài hạn	757	871	877	867	867
Tổng nợ phải trả	5,275	5,552	4,557	4,533	4,498
Vốn chủ sở hữu	9,936	10,144	11,156	12,456	13,834
Lợi ích cổ đông thiểu số	27.6	32.8	44.9	57.2	70.0
Tổng vốn chủ sở hữu	9,963	10,177	11,201	12,513	13,904
Tổng nợ phải trả và VCSH	15,238	15,729	15,757	17,047	18,402
BVPS (đ)	18,768	19,162	21,072	23,529	26,132
Nợ thuần*/(tiền mặt)	(1,436)	(554)	(490)	(1,379)	(1,787)

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
EBIT	705	1,019	1,915	1,951	2,040
Khấu hao	(1,083)	(268)	(409)	(417)	(427)
Lãi vay thuần	550	305	360	334	342
Thuế TNDN đã nộp	(145)	(94.1)	(257)	(240)	(250)
Thay đổi vốn lưu động	963	(912)	(12.9)	190	(297)
Khác	(844)	(509)	(527)	(465)	(431)
LCT thuần từ HKKD	2,313	77.5	1,887	2,187	1,831
Đầu tư TS dài hạn	(544)	(791)	(253)	(256)	(260)
Góp vốn & đầu tư	(13,920)	(14,041)	(704)	(774)	(852)
Thanh lý	0	4.09	0	0	0
Khác	11,021	14,786	463	430	439
LCT thuần từ HĐĐT	(3,443)	(41.6)	(493)	(601)	(673)
Cổ tức trả cho CSH	(1,590)	(1,059)	(794)	(529)	(529)
Thu từ phát hành CP	0	0	0	0	0
Tăng/giảm nợ	836	437	(1,083)	(168)	(220)
Khác	0	(2.91)	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	(754)	(625)	(1,877)	(698)	(750)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	2,126	2,284	1,903	1,420	2,308
LCT thuần trong kỳ	(1,884)	(589)	(484)	888	409
Ảnh hưởng của tỷ giá	2,043	208	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	2,284	1,903	1,420	2,308	2,717
Dòng tiền tự do	1,769	(714)	1,634	1,930	1,570

Các chỉ số tài chính	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	16.2	18.7	22.0	23.1	23.4
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	14.2	9.57	13.8	15.2	15.5
Tỷ suất LNT (%)	8.82	9.08	11.9	13.1	13.3
Thuế TNDN hiện hành (%)	11.5	7.10	11.3	10.5	10.5
Tăng trưởng doanh thu (%)	(21.1)	7.04	24.8	(7.20)	2.19
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	(68.9)	(28.0)	80.5	1.91	4.20
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	(74.3)	10.2	64.1	1.36	4.23
Tăng trưởng EPS (%)	(74.3)	10.2	64.1	1.36	4.23
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	(74.3)	10.2	64.1	1.36	4.23
Tăng trưởng DPS (%)	(33.3)	0	(25.0)	(33.3)	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	95.5	86.6	39.6	26.0	25.0
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	10.8	12.2	18.8	17.2	16.1
ROACE (%)	6.41	9.36	16.6	15.3	14.5
Vòng quay tài sản (lần)	0.85	0.87	1.07	0.95	0.90
Tiềm mặt HD/EBIT (lần)	3.28	0.08	0.99	1.12	0.90
Số ngày tồn kho	74.8	98.4	84.9	86.0	89.8
Số ngày phải thu	12.7	17.6	13.3	16.3	17.3
Số ngày phải trả	68.9	53.8	41.7	47.7	44.4
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	(14.2)	(3.17)	(3.10)	(9.91)	(11.6)
Nợ/tài sản (%)	5.72	10.1	6.82	6.30	6.07
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	N/a	N/a	N/a	N/a
Nợ/EBITDA (lần)	0.49	1.23	0.46	0.45	0.45
Chỉ số TT hiện thời (lần)	2.99	2.76	3.58	4.00	4.45
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	0.75	0.85	0.65	0.59	0.50
EV/EBITDA ĐC (lần)	5.26	8.93	4.68	3.89	3.23
P/E (lần)	17.2	15.6	9.50	9.37	8.99
P/E ĐC (lần)	17.2	15.6	9.50	9.37	8.99
P/B (lần)	1.92	1.88	1.71	1.53	1.38
Lợi suất cổ tức (%)	5.56	5.56	4.17	2.78	2.78

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn